

Bản án số: 124/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 01-11-2017
Về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thiên Thor

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Hữu Hiệp

2. Ông Huỳnh Hữu Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đà Lạ, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 11 N2017 tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 232/2017/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 N2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 N2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị N, sinh N1983(có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn H, sinh N1980 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày: Chị N với anh H chung sống với nhau vào N2012, không có đăng ký kết hôn, có 1 người con chung tên là Đỗ Đại Thành, sinh ngày 05-4-2014 hiện do chị N nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H không lo lắng cho vợ con, có quan hệ nam nữ không rõ ràng với người phụ nữ khác nên vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau, đã ly thân khoảng 2 năm nay nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung là cháu Thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ không có nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Bị đơn anh Đỗ Văn H trình bày tại đơn đề nghị Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 14-9-2017 có nội dung như sau: Anh H xác định anh với chị N tự nguyện chung sống với nhau N 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Anh với chị N có 1 con chung tên là Đỗ Đại Thành, sinh N2014. Anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng không có gì trầm trọng nên không đồng ý ly hôn, nếu như Tòa án xử cho ly hôn thì anh yêu cầu nuôi dạy cháu Thành, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ thì anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do bận công việc nên anh H yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Dương Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Văn H, sinh N1980, cư trú tại Ấp 1, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

[2]. Về hôn nhân: Chị N với anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, chị N xác định không có đăng ký kết hôn còn anh H xác định có đăng ký kết hôn nhưng anh H không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn. Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 15-8-2017 của chị N thì Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích đã xác nhận anh H với chị N không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích nên có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định chị N với anh H chung sống như vợ chồng vào năm 2012 không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của chị N với anh H là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do mâu thuẫn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh H, anh H không đồng ý ly hôn nhưng do việc sống chung như vợ chồng giữa chị N với anh H không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị N với anh H là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chị N với anh H có 1 người con chung là Đỗ Đại Thành, sinh ngày 05-4-2014 hiện do chị N nuôi dạy. Xét thấy cháu Thành còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, từ nhỏ lớn lên cháu Thành do chị N nuôi dưỡng, chị N có điều kiện nuôi dạy cháu Thành. Nhằm ổn định về mặt tâm lý và sự phát triển bình thường của cháu Thành, cần tiếp tục giao cháu Thành cho chị N nuôi dạy, chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục cháu Thành phù hợp với quy định của pháp luật không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ: Do chị N, anh H không có yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[5]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị đã dự nộp tạm ứng án phí nên chuyển thu án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Thị N với anh Đỗ Văn H. Quan hệ sống chung như vợ chồng chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2]. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Đỗ Đại Thành, sinh ngày 04-5-2014 cho chị N nuôi dạy, chị N không có yêu cầu anh H cấp dưỡng nên Tòa không xét.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục cháu Thành phù hợp với quy định của pháp luật không ai được cản trở.

[3]. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn: Chị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị có nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0011546 ngày 17 tháng 8 N2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh sẽ được chuyển thu án phí khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Thiên Thơ